

Số: 66 /QB-UBND

Lai châu, ngày 20 tháng 01 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 10629/BCT-CNNg ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc góp ý kiến về quy hoạch khoáng sản tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 140/2008/NQ-HĐND12, ngày 05/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc thông qua quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Công thương tại Tờ trình số 542/TTr-SCT ngày 18 tháng 12 năm 2008 về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020 (Có Quy hoạch chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao cho Sở Công thương chủ trì, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thực hiện đúng Quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công thương, Kế hoạch &

Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Khoa học & Công nghệ, Giao thông Vận tải, Thông tin & Truyền thông, Văn hóa Thể thao & Du lịch, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương (B/C);
- Bộ Tài nguyên & Môi trường (B/C);
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư (B/C);
- TT Tỉnh ủy (B/C);
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

CHỦ TỊCH



*Nguyễn Văn Giang*

**QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2015, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2020.**

(Kèm theo Quyết định số 66 /QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND tỉnh)

**I. Tên Quy hoạch:** Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020.

**II. Nội dung Quy hoạch:**

**A. Quan điểm quy hoạch:**

- Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản phải phù hợp với yêu cầu củng cố an ninh quốc phòng, đảm bảo môi trường sinh thái, bảo vệ các di sản thiên nhiên và di tích lịch sử, bảo vệ các công trình có vị trí chiến lược quốc gia (như thủy điện Lai Châu, Bản Chát) và có giá trị văn hoá.

- Phát triển hoạt động khai thác khoáng sản phải chú trọng lồng ghép đầu tư điều tra đánh giá, thăm dò; phải gắn với chế biến có quy mô và mức độ phù hợp trên cơ sở khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên và đảm bảo hài hòa lợi ích của Tỉnh và của Quốc gia.

- Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên cơ sở phát huy hiệu quả nguồn lực của các thành phần kinh tế trong, ngoài tỉnh và quốc tế.

- Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ tiên tiến hợp lý, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng và sức cạnh tranh các sản phẩm nguyên liệu khoáng.

**B. Định hướng phát triển:**

- Ưu tiên, khuyến khích và đẩy mạnh khai thác các mỏ, điểm khoáng sản nằm trong vùng ngập lòng hồ các công trình thủy điện lớn Sơn La, Bản Chát, Huội Quảng (đều dự kiến đóng đập tích nước vào năm 2010-2012) và Lai Châu.

- Kết hợp khai thác quy mô vừa với quy mô nhỏ, cơ giới hóa với bán cơ giới, chế biến thô (tuyển) với chế biến tinh (sau tuyển) phù hợp với từng đối tượng khoáng sản và mỗi giai đoạn phát triển cụ thể; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm chế biến từ nguyên liệu khoáng ngoài hướng cung cấp cho các hộ tiêu thụ trong nước.

- Tạo thuận lợi và chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để thúc đẩy triển khai đúng tiến độ các dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản quy mô lớn trên địa bàn (như đất hiếm, quặng barit, fluorit...).

- Tăng cường quản lý Nhà nước, kỷ cương pháp luật trong mọi hoạt động khoáng sản trên địa bàn; tháo gỡ rào cản về cơ chế, chính sách gây khó khăn cho các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án, nhất là đầu tư điều tra đánh giá, thăm dò các điểm, biểu hiện khoáng sản quy mô nhỏ, chưa rõ/ít có triển vọng.

- Nâng cao tính tập trung công nghiệp, hạn chế số lượng chủ đầu tư, tăng thời hạn và số hecta của mỗi diện tích khai thác nhằm khắc phục những bất lợi do quy mô

nhỏ, lẻ của hầu hết các mỏ, điểm, biểu hiện khoáng sản trên địa bàn và để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư lâu dài, bài bản và quy mô lớn hơn.

### **C. Mục tiêu:**

1. Công nghiệp Trung ương: Đến năm 2020, hình thành 2-3 cơ sở công nghiệp khai thác, chế biến sâu quặng vàng, đất hiếm (đa kim, khoáng chất công nghiệp) có quy mô vừa-lớn trên địa bàn. Sản lượng khai thác, chế biến khoáng sản công nghiệp Trung ương trên địa bàn:

- Sản phẩm ôxít đất hiếm riêng rẽ: đạt 5.500 tấn/năm vào năm 2010, 10.000 tấn/năm vào năm 2015 và 15.000 tấn/năm vào năm 2020;

- Sản phẩm tinh bột barit: đạt 40.000 tấn/năm vào năm 2010, 130.000 tấn/năm vào năm 2015 và 230.000 tấn/năm vào năm 2020;

- Sản phẩm tinh bột fluorit: đạt khoảng 2.800 tấn/năm từ năm 2010 trở đi.

2. Công nghiệp địa phương:

- Đến năm 2010, hoàn thành khoanh định các khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản cũng như khu vực hoạt động khoáng sản đặc biệt.

- Sản lượng khai thác, chế biến khoáng sản chủ yếu:

+ Duy trì mức 50-100 nghìn tấn quặng sắt cục hợp cách xuất khẩu/năm;

+ Tinh quặng đồng 20-25%Cu: đạt 20-30 nghìn tấn vào năm 2010 và 70-100 nghìn tấn vào năm 2015;

+ Duy trì mức 5-10 nghìn tấn tinh quặng chì kẽm hợp cách xuất khẩu/năm;

+ Vàng côm: đạt 40-50kg vào năm 2010 và 180-200kg vào năm 2015;

+ Ferro-molipden: đạt 25-30 tấn sản phẩm vào năm 2015;

+ Nước khoáng không ga đóng chai PEP: đạt 10 - 15 triệu lít vào năm 2015.

### **D. Nội dung Quy hoạch:**

#### **1. Khu vực cấm, tạm cấm HĐKS đối với các nhóm khoáng sản:**

1.1. Nhóm khoáng sản nhiên liệu: Điểm than đá Vàng Sơn có tài nguyên cấp P1=50.700 tấn - không đáng kể, nằm trong diện tích đất rừng đặc dụng quy hoạch vào khu vực cấm HĐKS.

1.2. Nhóm khoáng sản kim loại:

- Quặng sắt: quặng sắt Dị Săng ít có triển vọng và nằm trong diện tích đất rừng đặc dụng quy hoạch vào khu vực cấm HĐKS.

- Quặng đồng: Xét đến thực trạng hoạt động khai thác hiện nay và tài nguyên quặng đồng trên địa bàn Lai Châu hầu hết phải khai thác bằng phương pháp hầm lò - ít có tác động tiêu cực đến diện tích đất rừng, chuyển các diện tích nhỏ rừng phòng hộ nằm trong các diện tích chứa quặng đồng trong địa phận xã Ma Li Pho, Thong T'Sang và 2 mỏ Nậm Ngã và Nậm Kinh sang rừng sản xuất nhằm đảm bảo HĐKS tại các diện tích chứa quặng trên đúng pháp luật và tận khai hết tài nguyên.

Đối với quặng đồng không có mỏ, điểm mỏ, biểu hiện quặng nằm trong khu vực cấm, tạm cấm HĐKS.

- Quặng chì - kẽm: quặng chì - kẽm T'sin Thung ít có triển vọng và nằm trong đất rừng phòng hộ và đặc dụng nên quy hoạch vào khu vực cấm, tạm cấm HĐKS.

- Quặng vàng: Hiện trạng các mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng phân bố trong vùng lòng hồ thủy điện lớn, đất rừng đặc dụng và phòng hộ ở Lai Châu (phụ lục 1 kèm theo); phương án các điểm quặng nằm trong khu vực cấm, tạm cấm (phụ lục 2 kèm theo).

- Molybden: các điểm quặng San Sả Hồ (xã Sơn Bình, Tam Đường), Sang Sui (xã Bum Nưa, Mường Tè) nằm trong rừng phòng hộ - quy hoạch vào khu vực cấm HĐKS.

1.3. Nhóm khoáng chất công nghiệp: Py Nậm Khao, Py Thèn Thầu, Py Dịu Săng, Py Nậm Kha Á, Kì He Luang (nằm trong rừng phòng hộ và rừng đặc dụng).

1.4. Nhóm đá quý, bán quý: Đq Nậm Xẻ, Đq Pít Tong và một phần diện tích Đq Bản Bo (nằm trong rừng phòng hộ và rừng đặc dụng).

1.5. Nhóm nước khoáng, nước nóng thiên nhiên: các điểm nước khoáng, nước nóng thiên nhiên nằm trong khu vực cấm, tạm cấm: NK Lũng Pô Hồ, NK Nậm Cải, NK Tả Pao Hồ, NN Si Lô Hào 1 & 2, NN Ma Li Pho, NN Pắc Ta, NN Nậm Luông, NK Pắc Thà.

**2. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến đối với những mỏ, điểm mỏ và biểu hiện quặng nằm trong khu vực hạn chế và HĐKS thông thường:**

2.1. **Quy hoạch thăm dò:** được thực hiện đối với các khoáng sản được đánh giá sơ bộ là có triển vọng cần được đầu tư cho công tác thăm dò để làm tăng cấp tài nguyên dự báo để làm cơ sở cho việc đầu tư khai thác, chế biến.

2.1.1 Nhóm khoáng sản nhiên liệu (than): do việc dự báo tài nguyên nên không thực hiện đầu tư thăm dò đối với khoáng sản than.

2.1.2. Nhóm khoáng sản kim loại:

- Quặng sắt: Đầu tư thăm dò điểm quặng sắt Chùa Keo Tháp, Huổi Ke, Tả Ngảo - giai đoạn 2009-2012.

- Quặng đồng:

+ Đầu tư thăm dò điểm quặng Hà Nừ - giai đoạn đến năm 2012. *Bum Nưa - Mường Tè*

+ Đầu tư thăm dò, tìm kiếm các điểm quặng đồng Pô <sup>MT</sup>Lếch, Nậm Hà 1, Nậm Hà 2, Can Hồ và Nậm Dôn (thăm dò 3 thân quặng) - giai đoạn 2009-2010. <sup>MT</sup>

<sup>MT</sup> - Quặng chì - kẽm:

+ Đầu tư tìm kiếm quặng chì Chàng Chảo Pá, xã Pa Vệ Sừ, huyện Mường Tè và quặng chì kẽm Đào San, huyện Phong Thổ - giai đoạn đến năm 2012.

+ Đầu tư tìm kiếm điểm quặng chì Thà Giang Phú - giai đoạn thực hiện 2015-2020.

- Quặng vàng:

+ Đầu tư đánh giá làm tăng cấp độ tài nguyên dự báo các điểm quặng Nậm Pộc, Nậm Khao và Dị Săng – giai đoạn thực hiện đến năm 2012.

+ Đầu tư đánh giá về quặng vàng gốc Mường Mô và Pa Mô – giai đoạn thực hiện đến năm 2012.

+ Đầu tư thăm dò các điểm quặng vàng gốc Nậm Suông và Nậm Kha Á - giai đoạn thực hiện đến năm 2012.

+ Đầu tư thăm dò các điểm quặng vàng gốc He Luang, Nà Ban, ĐB Bản Lướt và TN Bản Lướt. Dự kiến trình tự đầu tư thăm dò quặng vàng ĐB Bản Lướt và TN Bản Lướt trước, rồi đến He Luang và Nà Ban – giai đoạn thực hiện 2010-2015.

+ Đầu tư thăm dò bổ sung tài liệu địa chất tại các mỏ quặng Thèn Sìn ở xã Thèn Sìn và điểm quặng vàng Tả Lèng ở xã Tả Lèng, huyện Tam Đường. Dự kiến chia làm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 đầu tư thăm dò đối với mỏ vàng Thèn Sìn (2009-2010), giai đoạn 2 đầu tư thăm dò mỏ Tả Lèng (2011-2013).

+ Đầu tư thăm dò quặng Bum Nưa, Mường Bum; Huổi Đãng và Mường Tè – giai đoạn triển khai 2013-2015.

+ Đầu tư điều tra đánh giá bổ sung tài liệu địa chất mỏ quặng vàng Pắc Ta thuộc xã Pắc Ta và Phúc Than, huyện Than Uyên – giai đoạn thực hiện 2009-2010.

- Molybden: Đầu tư thăm dò 2 điểm mỏ molybden Tung Qua Lìn và Tả Chu Phùng – giai đoạn thực hiện 2009-2010.

### 2.1.3. Nhóm khoáng sản khoáng chất công nghiệp:

- Khoáng sản đất hiếm (đa kim), barit, fluorit: trên cơ sở quy hoạch quốc gia, ở cấp độ địa phương việc thực hiện công tác thăm dò là phối hợp triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch cấp độ quốc gia.

- Khoáng sản Pyrit, potat-xút, cao lanh: Đầu tư đánh giá làm rõ tài nguyên đối với các điểm, biểu hiện quặng nằm trong vùng ngập Pyrit Nậm Hà, Pyrit Phiêng Ban, cao lanh Bản Mẩn – giai đoạn thực hiện 2009-2012.

### 2.1.4. Nhóm đá quý, bán quý: không thực hiện việc thăm dò.

2.1.5. Nhóm nước khoáng, nước nóng thiên nhiên: Đầu tư đánh giá để bổ sung vào tài liệu địa chất đối với các điểm Bản Hon, Nà Ban, Vàng Bó, Phình Phát – giai đoạn thực hiện 2009-2013.

## 2.2. Quy hoạch khai thác, chế biến:

### 2.2.1. Nhóm khoáng sản nhiên liệu (than):

- Khuyến khích khai thác điểm than đá Huổi Lá - giai đoạn triển khai 2009-2011.

- Hai điểm than đá Nậm Than và Can Hồ đều không có triển vọng, chất lượng chỉ sử dụng làm chất đốt sinh hoạt. Vì vậy, cấp phép khai thác nếu có nhu cầu – giai đoạn triển khai thực hiện 2010-2015.

### 2.2.2. Nhóm khoáng sản kim loại:

#### - Quặng sắt:

+ Khuyến khích đầu tư khai thác quặng sắt Thác Mới (nằm trong vùng ngập) – giai đoạn triển khai thực hiện 2009-2012.

+ Đầu tư khai thác điểm quặng sắt Chùa Keo Thấp, Huồi Ke, Tà Ngảo – giai đoạn triển khai thực hiện 2009-2013.

+ Biểu hiện quặng sắt Khun Há không/ít có triển vọng: không khuyến khích đầu tư.

#### - Quặng đồng:

+ Đầu tư khai thác điểm quặng đồng Ma Khi Ho (nằm trong khu vực hạn chế HDKS) – cấp phép có điều kiện cho chủ đầu tư nhằm bảo vệ rừng phòng hộ.

+ Đầu tư khai thác, tuyển quặng điểm quặng Hà Nù với quy mô công suất khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm. Tại diện tích này chỉ cấp phép khai thác cho chủ đầu tư có kinh nghiệm tuyển quặng đa kim đảm bảo thu hồi được tinh quặng Cu và W, đồng thời bảo vệ được rừng phòng hộ - giai đoạn triển khai thực hiện đến năm 2015.

+ Đầu tư khai thác quặng đồng tại các điểm, mỏ nằm trong vùng ngập của hồ các thủy điện lớn, sau: Pô Lếch, Nậm Hà, Can Hồ, Nậm Dôn với công suất khoảng 80.000 tấn quặng nguyên khai/năm – giai đoạn triển khai là năm 2009-2012.

+ Các diện tích quặng đồng khác tại xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ (4 diện tích + điểm quặng đồng Ma Li Pho), ở các xã Hồng Thu (1 diện tích + điểm quặng đồng Thong T'Sang) và Nậm Tăm, huyện Sin Hồ (2 diện tích), trên cơ sở kết quả của các dự án thăm dò trên duy trì công suất khai thác, sơ chế hoặc tuyển đến tinh quặng 20-25%Cu. Dự kiến, tổng công suất khai thác các diện tích này khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm – giai đoạn triển khai thực hiện đến năm 2015.

#### - Quặng chì, kẽm:

Với 2 điểm quặng quy mô nhỏ, 8 biểu hiện quặng ít/không có triển vọng và một số diện tích quặng chì kẽm đang được khai thác, hoạt động khoáng sản chì kẽm trên địa bàn Lai Châu đến năm 2015 chủ yếu sẽ là khai thác quy mô nhỏ, sơ chế và tuyển đến tinh quặng  $\geq 50\%$  Pb/Zn (đủ điều kiện xuất khẩu) tiêu thụ tại nơi khai thác:

+ Biểu hiện quặng chì Thà Giang Phu không có triển vọng; vì vậy không khuyến khích đầu tư khai thác sớm.

+ Đầu tư khai thác kết hợp xây dựng các xưởng tuyển nổi đối với các điểm quặng chì Chàng Chảo Pá (Pa Vệ Sừ - Mường Tè) – công suất 10.000 tấn quặng nguyên khai/năm; Dào San (Phong Thổ) – công suất 20.000 tấn quặng nguyên khai/năm.

+ Các điểm, biểu hiện quặng chì kẽm còn lại, chưa cấp phép khai thác, gồm Nậm Khâm, Mường So, Bản Mao – không/ít có triển vọng – không khuyến khích đầu tư.

- Quy hoạch khoáng sản vàng (đa kim):

Lai Châu có tài nguyên quặng vàng (đa kim) khá phong phú, nhiều tiềm năng – khoảng 60 mỏ, điểm, biểu hiện quặng, trong đó 27 mỏ, điểm quặng đã được tìm kiếm chi tiết, điều tra đánh giá xác định trữ lượng cấp C2 và tài nguyên dự báo cấp P1, P2. Ngoài các mỏ, điểm mỏ và biểu hiện quặng nằm trong khu vực cấm, tạm cấm HĐKS; phương án quy hoạch khai thác, chế biến quặng vàng sẽ là:

+ Đối với các diện tích quặng vàng nằm trong vùng ngập được triển khai hoạt động khai thác, chế biến trong giai đoạn đến năm 2012:

Không khuyến khích đầu tư khai thác các điểm và biểu hiện quặng vàng (đa kim) có tài nguyên không đáng kể, không có triển vọng, dù sẽ bị ngập là Pô Lếch, Can Hồ, Nậm Hà, Pa Khao, Huổi Vo, Nậm Nhật, Nậm Cười, Huổi Củng, Nậm Khao và Pá Cuối.

Đầu tư khai thác quặng vàng gốc Mường Mô và Pa Mô với quy mô sơ bộ khoảng 50.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương với 10-15kg Au cốm/năm).

Đầu tư khai thác và tuyển quặng vàng gốc Nậm Pộc và Nậm Khao (phân bố gần nhau) với tổng công suất khoảng 50.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương khoảng 10 kg Au cốm/năm).

+ Đối với các diện tích quặng vàng nằm trong khu vực hạn chế HĐKS triển khai trong giai đoạn đến năm 2015:

Đầu tư khai thác hầm lò và tuyển quặng vàng gốc Nậm Suồng với công suất khoảng 50.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương với 10-15kg Au cốm/năm).

Đầu tư khai thác hầm lò, tuyển quặng vàng gốc Nậm Kha Á với công suất 200.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương với 40-50kg Au cốm/năm). Nhà máy luyện vàng cốm dự kiến xây dựng tại thị trấn Mường Tè.

Các điểm quặng vàng gốc He Luang, Nà Ban, ĐB Bản Luót và TN Bản Luót phân bố khá gần nhau và giao thông thuận tiện - cấp phép có điều kiện cho nhà đầu tư.

+ Đối với các diện tích vàng khác:

Mỏ quặng vàng Thèn Sìn ở xã Thèn Sìn (triển khai thực hiện giai đoạn 2009-2012) và điểm quặng vàng Tả Lèng (triển khai thực hiện giai đoạn 2013-2015) ở xã Tả Lèng, huyện Tam Đường.

Đầu tư khai thác hầm lò, tuyển quặng vàng gốc Bum Nua, Mường Bum, Huổi Đãng, Mường Tè với công suất khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương khoảng 17-20kg Au cốm/năm) – giai đoạn thực hiện 2013-2015.

Khi công tác điều tra đánh giá, thăm dò quặng vàng Pắc Ta, huyện Than Uyên hoàn thành và có kết quả khả quan sẽ đầu tư khai thác, chế biến (tuyển, luyện đến vàng thô) với quy mô khoảng 150.000 tấn quặng nguyên khai/năm (tương đương 20-25kg Au cốm/năm)-giai đoạn triển khai thực hiện đến năm 2012.

- Molybden:



Đầu tư khai thác, tuyển và luyện thành ferro molybden quặng molipden Tung Qua Lìn và Tả Chu Phùng với công suất khoảng 600 nghìn tấn quặng nguyên khai/năm. Nhà máy tuyển quặng molipden dự kiến xây dựng tại khu vực khai thác mỏ, còn nhà máy luyện ferro molipden công suất 30 tấn sản phẩm fero molipden/năm - xây dựng trong khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ - giai đoạn triển khai thực hiện đến năm 2012.

### 2.2.3. Quy hoạch nhóm khoáng chất công nghiệp

- Quy hoạch khoáng sản đất hiếm, barit, fluorit: Tất cả các mỏ, điểm quặng đất hiếm (phóng xạ, chì kẽm, barit và fluorit) Đông Pao, Bắc Nậm Xe, Nam Nậm Xe và Thèn Thầu có quy mô lớn và vừa, đã được đưa vào quy hoạch quốc gia. Vì vậy, việc quy hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến các khoáng sản đất hiếm (đa kim), barit và fluorit cấp độ địa phương chủ yếu sẽ là phối hợp triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch cấp độ quốc gia đối với các khoáng sản này trên địa bàn.

- Quy hoạch khoáng sản pyrit, potat-xút, caolanh:

+ Khuyến khích khai thác các điểm nằm trong vùng ngập: Py Nậm Hà, Py Phiêng Ban, Kì Bản Mẫn – triển khai trong giai đoạn đến năm 2012.

+ Cấp phép khai thác có điều kiện cho chủ đầu tư khai thác Py Nậm Kha Á.

2.2.4. Quy hoạch nhóm khoáng sản đá quý, bán quý: Khuyến khích khai thác điểm đá quý Bản Mẫn nằm trong vùng ngập – triển khai trong giai đoạn đến năm 2012.

### 2.2.5. Quy hoạch khoáng sản nước khoáng – nước nóng thiên nhiên:

Nguồn tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Lai Châu rất phong phú, hiện tại đã đăng ký 21 điểm (nguồn), nhưng đều chưa được điều tra, đánh giá, thăm dò đầy đủ (về lưu lượng, trữ lượng, chất lượng, lĩnh vực sử dụng,...).

Tiêu chí lựa chọn nguồn nước khoáng, nước nóng thiên nhiên để đầu tư khai thác là: nguồn nước phải có lưu lượng tương đối (từ 5 lít/giây trở lên), diện xuất lộ khá rõ ràng, tổng độ khoáng và chất lượng khoáng phù hợp, gần các khu vực thị trường tiềm năng (TX Lai Châu, Khu CN Mường So, Khu KT cửa khẩu Ma Lù Thàng, công trường thủy điện Lai Châu và Bản Chát) và giao thông thuận tiện (liên kết giữa các khu vực thị trường tiềm năng trên). Các nguồn nước được lựa chọn gồm:

- Nguồn nước khoáng hóa thấp - ấm Bản Hon, xã Bản Hon, huyện Tam Đường.

- Nguồn nước khoáng vừa - nóng vừa Nà Ban, xã Mường Khoa (giáp với xã Nậm Cắn và Thân Thuộc), huyện Than Uyên.

- Nguồn nước khoáng vừa - ấm Vàng Bó, xã Mường So, huyện Phong Thổ.

- Nguồn nước khoáng thấp - ấm Phình Phát, xã Thân Thuộc, huyện Than Uyên.

### G. Tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện Quy hoạch:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng) của công nghiệp địa phương trên địa bàn đến năm 2015 vào khoảng: 950-1.000 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước: 930 - 970 tỷ đồng.
- Vốn NS đầu tư cho quản lý; hỗ trợ thực hiện quy hoạch; hỗ trợ hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực đối với từng dự án cụ thể: 21-31 tỷ đồng.

## **H. Các giải pháp:**

### **1. Các giải pháp, chính sách phát triển:**

1.1. Về cơ chế chính sách: Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính trong đầu tư, quy trình tiếp nhận, thẩm tra, cấp giấy chứng nhận đầu tư và tập trung chỉ đạo giải quyết mặt bằng, cho thuê đất cho các nhà đầu tư; Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc trong triển khai các dự án có tác dụng thúc đẩy công nghiệp trên địa bàn như: dự án khai thác tuyển luyện đất hiếm, dự án nhà máy tuyển chì kẽm, khai thác và chế biến đồng Sin Hồ, đặc biệt là với các dự án nằm trong vùng ngập các nhà máy thủy điện.

1.2. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn.

- Kiểm tra, thanh tra định kỳ đối với các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý các hiện tượng gây ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Phát hiện và ngăn chặn các hiện tượng khai thác, chế biến khoáng sản trái phép.

- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên trao đổi thông tin, chuyên môn nghiệp vụ nghiệp vụ về công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản liên quan đến bảo vệ môi trường với các cơ quan Trung ương.

- Đẩy mạnh công tác hợp tác liên doanh, liên kết với các cơ quan trong và ngoài nước để xúc tiến đầu tư, thu hút vốn đầu tư phát triển ngành trên địa bàn.

1.3. Về vốn đầu tư:

Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản công nghiệp địa phương trên địa bàn đến năm 2015 vào khoảng 950-1.000 tỷ đồng. Nguồn vốn này sẽ được huy động từ các thành phần kinh tế, các tổ chức tín dụng trong, ngoài tỉnh, nước ngoài và một phần vốn ngân sách.

\* Đối với vốn đầu tư trong nước: Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn có đủ năng lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản; Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho việc tạo vốn các doanh nghiệp.

\* Huy động vốn nước ngoài thực hiện bằng hình thức liên doanh: Có thể cho phía nước ngoài tham gia cổ phần đầu tư cả khâu khai thác mỏ và luyện kim, trong

đó khâu khai thác mỏ ta giữ cổ phần chi phối, còn khâu luyện kim có thể 100% vốn nước ngoài.

1.4. Về bảo vệ môi trường và tài nguyên khoáng sản: Tích cực tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản và môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; Tăng cường đầu tư, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, nghiên cứu đưa công nghệ mới, tiên tiến vào khai thác, chế biến khoáng sản; Đẩy mạnh công tác phục hồi môi trường sau khai thác ngay khi có thể, không phải đợi đến khi đóng cửa mỏ...

## 2. Các giải pháp khác:

\* Phát triển đào tạo nguồn nhân lực: Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển công nhân lành nghề cho các ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Thực hiện xã hội hoá công tác đào tạo nghề nhằm thu hút mọi nguồn lực trong xã hội và đa dạng hoá các loại hình hoạt động đào tạo nghề. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động chưa có việc làm...

\* Phát triển thị trường, sản phẩm mới: Tôn trọng nguyên tắc và cơ chế vận hành khách quan của thị trường; giảm đến mức tối đa sự can thiệp hành chính của các cơ quan quản lý Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ quan quản lý Nhà nước thường xuyên cung cấp những thông tin dự báo, định hướng thị trường tạo điều kiện cho người sản xuất tổ chức sản xuất một cách linh hoạt, uyển chuyển, kịp thời.

\* Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản trong Tỉnh với nhau và với các cơ sở khác trong ngành của các địa phương lân cận và của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



*Lo Thien Giang*

Phụ lục 1: Hiện trạng các mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng (đa kim) phân bố trong vùng lòng hồ thủy điện lớn, đất rừng đặc dụng và phòng hộ ở Lai Châu

T T	Tên mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng (đa kim)	Tài nguyên (kg Au)	Phân bố trong diện tích			
			Lòng hồ TH lớn	Đ.Đ đặc dụng	Đ.R phòng hộ	Đ.R phòng hộ (1 phân)
1	Au gốc Yên Thang [34/17]				✓	
2	Au gốc Năm Suông [42/90]	1.072			✓	
3	Au sk Huổi Cùng [43/97]	142	✓			
4	Au gốc Đan Đơn [44/89]				✓	
5	Au gốc Nà Phày [46/81]				✓	
6	Au gốc Bum Nưa [47/75]	1.875				✓
7	Au gốc Phìn Khò [49/53]			✓		
8	Au(As) gốc Năm Pộc [50/54]	490	✓	✓		
9	Au(Hg) sk Năm Khao [51/50]		✓	✓		
10	Au(Ag) gốc Năm Khao [52/56]	875	✓	✓		
11	Au gốc Năm Kha Á [54a/47a]	5.670		✓		
12	Au gốc Tả Lèng [54b/47b]	4.500				✓
13	Au sk Nừ Hà [56/71]				✓	
14	Au gốc Pô Lếch [57/77]	143	✓			
15	Au gốc Năm Nà A [60/109]				✓	
16	Au gốc Can Hồ [61/105]	14	✓			
17	Au gốc Năm Hà [62/102]	103	✓			
18	Au gốc Pa Khao [64/125]		✓			
19	Au gốc Huổi Vo [65/126]		✓			
20	Au gốc Mường Mỏ [66/128]*	2.600	✓			
21	Au gốc Pa Mỏ [68/133]	3.000	✓			
22	Au(Hg) gốc Năm Nhat [70/143]	225	✓			
23	Au gốc Mường Bum [72/76]					✓
24	Au gốc Năm Cười [73/111]		✓			
25	Au gốc Chăn Nưa [76/135]	30	✓		✓	
26	Au sk Pá Cuối [80/152]		✓			
27	Au gốc He Luang [81/159]	1.016			✓	
28	Au gốc Nà Ban [82/162]	820			✓	
29	Au gốc ĐB Bản Lướt [83/164]	2.382			✓	
30	Au gốc TN Bản Lướt [84/165]	1.750			✓	
31	Au gốc ĐB Bản On [85/169]					✓

Chú giải: sk - sa khoáng; TH - thủy điện, Đ.R - đất rừng; ĐB - đông bắc; TN - tây nam

Phụ lục 2: Quy hoạch các mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng (đa kim) cần khai thác sớm; cấm, tạm cấm; hạn chế HĐKS trên địa bàn tỉnh Lai Châu

TT	Tên mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng (đa kim)	Tài nguyên (kg Au)	Diện hoạt động khoáng sản			
			Khai thác sớm	Cấm, tạm cấm	Hạn chế	Thông thường
1	Au gốc Yên Thang [34/17]			✓		
2	Au gốc Năm Suông [42/90]	1.072			✓	
3	Au sk Huổi Củng [43/97]	142	✓			
4	Au gốc Đan Đơn [44/89]			✓		
5	Au gốc Nà Phày [46/81]			✓		
6	Au gốc Bum Nưa [47/75]	1.875				✓
7	Au gốc Phìn Khò [49/53]			✓		
8	Au(As) gốc Năm Pộc [50/54]	490	✓			
9	Au(Hg) sk Năm Khao [51/50]		✓			
10	Au(Ag) gốc Năm Khao [52/56]	875	✓			
11	Au gốc Năm Kha Á [54a/47a]	5.670			✓	
12	Au gốc Tả Lèng [54b/47b]	4.500				✓
13	Au sk Nừ Hà [56/71]			✓		
14	Au gốc Pô Lếch [57/77]	143	✓			
15	Au gốc Năm Na A [60/109]			✓		
16	Au gốc Can Hồ [61/105]	14	✓			
17	Au gốc Năm Hà [62/102]	103	✓			
18	Au gốc Pa Khao [64/125]		✓			
19	Au gốc Huổi Vo [65/126]		✓			
20	Au gốc Mường Mô [66/128]*	2.600	✓			
21	Au gốc Pa Mô [68/133]	3.000	✓			
22	Au(Hg) gốc Năm Nhất [70/143]	225	✓			
23	Au gốc Mường Bum [72/76]					✓
24	Au gốc Năm Cười [73/111]		✓			
25	Au gốc Chăn Nưa [76/135]	30	✓			
26	Au sk Pá Cuối [80/152]		✓			
27	Au gốc He Luang [81/159]	1.016			✓	
28	Au gốc Nà Ban [82/162]	820			✓	
29	Au gốc ĐB Bản Lướt [83/164]	2.382			✓	
30	Au gốc TN Bản Lướt [84/165]	1.750			✓	
31	Au gốc ĐB Bản On					✓
32	Các mỏ, điểm, biểu hiện quặng vàng (đa kim) còn lại					✓

Chú giải: sk - sa khoáng; TĐ - thủy điện, Đ.R - đất rừng; ĐB - đông bắc; TN - tây nam